

I. Học sinh tập chép: (7 điểm)

- ## II. Bài tập: (3 điểm)

1. (1 điểm) Điền **c hoặc **k****

....im tiêm

2. (1 điểm) Điền an hay ăn

CỦ S.....

3. (1 điểm) Sắp xếp các từ thành câu:

Me / tôm / mua / khô.

Họ và tên HS:
Lớp : 1A...

I. Đọc thành tiếng. (7 điểm)

GV cho HS bốc thăm và đọc theo phiếu. Mỗi em đọc khoảng 2 đến 3 phút.

II. Đọc thầm bài văn và làm bài tập. (3 điểm) – (Thời gian làm bài: 15 phút)

Bài 1: Nối từ với hình vẽ cho phù hợp: (1 điểm)



khăn len

con chuột

bật lửa

san hô

Bài 2: Đọc thầm và trả lời câu hỏi: (2 điểm)

Sẻ bé và én con

Nhà sẻ bé lọt thỏm giữa ngọn me già. Nhà én con ở trên ngọn đa. Khi sẻ mẹ và én mẹ đi kiếm ăn xa thì sẻ bé và én con ở nhà cô gõ kiến.

Cô cho sẻ bé và én con đĩa kê ngon. Sẻ bé mê kê lắm, chú ta cứ mổ lia lịa. Én nhỏ thì chả mê món kê. Về nhà, sẻ bé kể cho mẹ nghe và khen món kê nhà cô gõ kiến ngon lắm.

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu.

Câu 1. (0,5 điểm) **Nhà sẻ bé ở đâu?**

- A. giữa ngọn me già
- B. ở trên ngọn đa
- C. ở trên ngọn khế

Câu 2. (0,5 điểm) **Nhà én con ở đâu?**

A. giữa ngọn me già

B. ở trên ngọn đa

C. ở trên ngọn khế

Câu 3. (1 điểm) **Ý nào đúng, ý nào sai? Đánh dấu ✓ vào ô thích hợp**

Ý	ĐÚNG	SAI
a. Sẻ bé và én con ở nhà cô gõ kiến.		
b. Én nhỏ mê món kê lắm.		

HƯỚNG DẪN CHẤM KTĐK HỌC KỲ I

Năm học 2022 - 2023

Môn Tiếng Việt

A. PHẦN KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm):

I. Đọc thành tiếng (7 điểm)

- Thao tác đọc đúng: tư thế, cách đặt sách vở, cách đưa mắt đọc, phát âm rõ các vần khó, cần phân biệt : 1 điểm
- Đọc trơn, đúng tiếng, từ, cụm từ, câu (không đọc sai quá 10 tiếng): 1 điểm
- Âm lượng đọc vừa đủ nghe: 1 điểm
- Tốc độ đọc đạt yêu cầu (tối thiểu 30 tiếng / phút): 1 điểm
- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ : 1 điểm
- Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm

B. Đọc thầm và làm bài tập (3 điểm)

Bài 1 (1 điểm): Nối đúng mỗi hình được 0,25 điểm

Bài 2 (2 điểm):

Câu 1: Chọn đáp án đúng được 0,5 điểm (Đáp án: A)

Câu 2: Chọn đáp án đúng được 0,5 điểm (Đáp án: 2)

Câu 3: Chọn đáp án đúng được 0,5 điểm (a. Đ, b. S)

C. PHẦN KIỂM TRA VIẾT

I. Chính tả: 7 điểm

- Tốc độ đạt yêu cầu: 1,5 điểm
- Viết đúng kiểu chữ, cỡ chữ : 2,5 điểm
- Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi): 2 điểm
- Trình bày đúng quy định, sạch, đẹp : 1 điểm

II. Bài tập : 3 điểm

1.(1 điểm) Mỗi chỗ trống điền đúng được 0,5 điểm

2.(1 điểm) Mỗi chỗ trống điền đúng được 0,5 điểm

3. (1 điểm) Sắp xếp và viết đúng được 0,5 điểm

